

TÍNH ĐA DẠNG THỰC VẬT CỦA VƯỜN CHIM BẠC LIÊU

TRẦN THANH LÂM, LÊ THỊ NGỌC NGÀ

Trường Đại học Bạc Liêu

Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Vườn chim Bạc Liêu có vị trí địa lý là 105°42'19"-105°42'38" vĩ độ Bắc và 9°14'4"-9°14'53" kinh độ Đông nằm trên địa bàn khóm Kinh tế, phường Nhà Mát, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, cách Thành phố Bạc Liêu khoảng 4 km hướng ra Biển Đông. Diện tích vùng lõi bảo vệ nghiêm ngặt là 130 ha và vùng đệm quy hoạch là 258,8 ha. Trong thời gian qua có nhiều nghiên cứu về thành phần loài thực vật tại đây, tuy nhiên kết quả giữa các lần nghiên cứu chênh lệch nhau nhiều, do đó chúng tôi đã điều tra lại để có số liệu mới nhất về danh lục các loài thực vật tại đây nhằm phục vụ cho việc bảo tồn, quy hoạch vườn trong thời gian tới.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Thu thập số liệu ở thực địa

Chọn tuyến điều tra và lập ô tiêu chuẩn: Dựa vào sơ đồ Vườn chim và quan sát thực tế để lập các ô tiêu chuẩn sao cho các ô tiêu chuẩn phải bao quát hầu hết số loài thực vật có trong vườn và phân bố ở các sinh cảnh khác nhau. Diện tích mỗi ô tiêu chuẩn là 50 m x 50 m.

Điều tra ô tiêu chuẩn: Với diện tích vườn chim là 130 ha, chúng tôi đã bố trí 30 ô tiêu chuẩn, tổng diện tích ô tiêu chuẩn là 50 m x 50 m x 30 = 75.000m² (7,5 ha), chiếm 5,77% diện tích của vườn chim. Ô tiêu chuẩn được lập để xác định thành phần loài, số loài, số họ, loài ưu thế.

Thu mẫu và xử lý mẫu: Dựa vào phương pháp nghiên cứu của Nguyễn Nghĩa Thìn (2004).

- Dùng túi polyetylen đựng mẫu và sổ ghi chép. Mỗi mẫu có đủ các bộ phận, nhất là cành, lá và hoa đối với cây lớn hay cả cây đối với cây thân thảo. Cố gắng thu mẫu có cả hoa, quả.

- Mỗi cây thu 3-10 mẫu, đối với cây thân thảo tìm các mẫu giống nhau và cũng thu với số lượng trên. Các mẫu thu trên cùng một cây thì ghi cùng một số hiệu.

- Khi thu mẫu ghi chép đầy đủ các đặc điểm của loài cây vào sổ ngoại nghiệp, nhất là các đặc điểm dễ biến đổi khi mẫu sấy khô như màu sắc, mùi vị,...

- Thu mẫu và ghi chép xong cho vào túi ni lông cỡ to (60 cm x 100 cm) mang về nhà mới làm mẫu. Dùng túi nhỏ và mỏng đựng một vài loài và buộc chặt lại và tất cả các túi nhỏ đó cho vào túi to. Sau mỗi ngày mẫu vật được xử lý ngay.

Cách xử lý và sấy khô:

Sau mỗi ngày lấy mẫu đeo nhãn cho mẫu. Nhãn ghi số hiệu mẫu còn các thông tin khác ghi vào sổ ngoại nghiệp hoặc trên nhãn ghi đầy đủ các mục như sau: Số hiệu mẫu; địa điểm và nơi lấy mẫu; ngày lấy mẫu; đặc điểm quan trọng; người lấy mẫu.

Sau khi đã đeo nhãn, mỗi mẫu đặt gọn trong một tờ báo gấp tư, vuốt ngay ngắn trên mỗi mẫu có lá sấp, lá ngửa để có thể quan sát dễ dàng cả hai mặt lá mà không phải lật mẫu. Đối với hoa dùng các mảnh báo nhỏ để ngăn cách nó với các hoa hay lá bên cạnh phòng khi sấy dễ bị dính vào các bộ phận bên cạnh. Sau đó xếp nhiều mẫu thành chồng và dùng đôi cặp ô vuông (mắt cáo) để ép ngoài và ép chặt mẫu và bó lại. Bó mẫu được phơi nắng, hàng ngày thay báo mới để mẫu mau khô và không bị ẩm.

2. Xử lý số liệu

- Định tên mẫu bằng phương pháp hình thái so sánh, đối chiếu mẫu nghiên cứu với bộ mẫu lưu tại vườn chim và tra cứu tài liệu (Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ, 1999 - 2003).

- Tên taxon được tra cứu theo các tài liệu Danh lục các loài thực vật Việt Nam (Nguyễn Tiến Bân, 2003) và Tên cây rừng Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2000).

- Xây dựng bảng danh lục thực vật và thống kê đánh giá đa dạng loài của các họ trên Excel.

3. Thời gian nghiên cứu

Từ đầu mùa mưa năm 2013 đến hết mùa khô năm 2014 (5/2013 đến 4/2014).

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1 Cấu trúc quần xã thực vật

1.1. Quần xã Chà là – Tra

Gần như chiếm ưu thế trên toàn bộ khu vực. Quần xã hiện diện trên cả đất có địa hình cao và đất thấp. Trong quần xã này, ngoài các loài Tra (*Thespesia populnea* (L.) Sol. ex Corrêa.), Chà là (*Phoenix paludosa* Roxb.) còn có một vài loài khác hiện diện như Cóc (*Lumnitzera racemosa* Willd.), Giá (*Excoecaria agallocha* L.). Trong quần xã còn có các loài thân thảo khác như Cát lồi (*Costus speciosus* Koenig.), Lức (*Pluchea indica* (L.) Lees.), Rau trai (*Commelina diffusa* Burm. f.), Choại (*Stenochlaena palustris* Burm. f.),...

1.2. Quần xã Mắm

Quần xã này hiện diện dọc theo chu vi của khu vực và rải rác theo rìa các kênh mương nhỏ. Xen lẫn trong quần xã là sự hiện diện của Giá (*Excoecaria agallocha* L.). Mắm (*Avicennia officinalis* L.) và Giá cũng nằm trong quần xã Chà là (*Phoenix paludosa* Roxb.), Tra (*Thespesia populnea* (L.) Sol. ex Corrêa.) nhưng chiếm số lượng ít.

1.3. Quần xã Cóc

Xuất hiện ở phần diện tích đất có địa hình cao ở phía góc Đông Bắc. Quần xã Cóc (*Lumnitzera racemosa* Willd.) còn được tìm thấy ở khu vực đất cao liền kề hồ nước ngọt ở trung tâm vườn chim. Ngoài ra, Cóc còn có trong quần xã Chà là (*Phoenix paludosa* Roxb.), Tra (*Thespesia populnea* (L.) Sol. Ex Corrêa.) và mọc rải rác trong khu vực.

1.4. Tập đoàn thực vật trên đất hoang hóa

Gồm những loài thực vật thân thảo, dây leo, ít cây bụi và cây gỗ mọc trên đường đê bao xung quanh chu vi vườn chim. Các loài không chịu ảnh hưởng của đất ngập mặn.

Thành phần gồm những loài phổ biến có mặt hầu hết trên các tỉnh miền Tây nam bộ như Cỏ suốt (*Achyranthes aspera* L.), Thù lù (*Physalis angulata* L.), Bò ngót (*Sauropus androgynus* (L.) Merr.), Trinh nữ (*Mimosa pudica* L.), Chòi mòi (*Antidesma ghaesembilla* Gaertn.), Me (*Tamarindus indica* L.), Me keo (*Pithecellobium dulce* (Roxb.) Benth.), Gừa (*Ficus benjamina* L.), Sộp (*Ficus superba* var. *japonica* Miq.)... Một số nhóm loài thuộc thực vật vùng ngập lợ như Lức (*Pluchea indica* (L.) Lees.), Rau trai (*Commelina diffusa* Burm. f.) mọc theo các rìa đón ánh sáng. Cát lồi (*Costus speciosus* Koenig.), Răng đại (*Acrostichum aureum* L.), Dây choại (*Stenochlaena palustris* Burm. f.), Bình bát (*Annona glabra* L.)... mọc theo bờ nước, đất thấp ngập nước. Chính số lượng loài của tập đoàn thực vật này làm gia tăng tính đa dạng sinh học cho khu vực.

2. Xác định thành phần loài và xây dựng danh lục thực vật

Chúng tôi đã thu thập được 130 loài thực vật thuộc 45 họ. Các loài thực vật thu thập được thuộc khu hệ thực vật rừng ngập mặn và hội đoàn thực vật trên đất hoang hóa. Bao gồm 5 loài (4 họ) thuộc ngành Dương xỉ, 125 loài (41 họ) thực vật hạt kín (bảng 1).

Bảng 1

Danh lục thực vật Vườn chim Bạc Liêu năm 2014

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Bổ sung so với 2010
	Polypodiophyta	Ngành Dương xỉ	
	1. Marsileidae	Họ Rau bợ	
1	<i>Marsilea quadrifolia</i> L.	Rau bợ	
	2. Parkeriaceae	Họ Ráng Gạt Nai	
2	<i>Ceratopteris siliquosa</i> L.	Ráng Gạt Nai	
	3. Pteridaceae	Họ Ráng	
3	<i>Acrostichum aureum</i> L.	Ráng đại	
4	<i>Stenochlaena palustris</i> Burm. F.	Dây Choại	
	4. Schizeaceae	Họ Bông bong	
5	<i>Lygodium microstachyum</i> Desv.	Bông bong	
	Magnoliophyta	Ngành Ngọc Lan	
	Magnoliopsida	Lớp Ngọc Lan	
	5. Acanthaceae	Họ Ô rô	
6	<i>Hygophyla salicifolia</i> (Vahl.) Ness.	Đình lịch	
7	<i>Ruellia tuberosa</i> L.	Nở	
8	<i>Acanthus ebracteatus</i> Vahl.	Ô rô	x
	6. Aizoaceae	Họ Sam biển	
9	<i>Sesuvium portulacastrum</i> (L.) L.	Sam biển	
	7. Amaranthaceae	Họ Rau Dệu	
10	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ sứt	
11	<i>Alternanthera paronychioides</i> St.	Diếp	
12	<i>Amaranthus spinosus</i> L.	Dền gai	
13	<i>Amaranthus lividus</i> L.	Dền cơm	
	8. Annonaceae	Họ Na	
14	<i>Annona glabra</i> L.	Bình bát nước	
	9. Asclepiadaceae	Họ thiên lý	
15	<i>Dischidia major</i> (Vahl.) Merr.	Song ly to	
16	<i>Heterostemma villosum</i> Cost.	Dị hùng lông	
17	<i>Sarcolobus globosus</i> Wall.	Dây cám	
	10. Asteraceae	Họ Cúc	
18	<i>Ageratum conyzoides</i> L.	Cỏ cứt lợn	
19	<i>Blainvillea acmella</i> (L.)	Núc vàng	
20	<i>Blumea lacera</i> (Burm) D. C.	Cái trời	
21	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.	Cỏ mực	
22	<i>Eupatorium odoratum</i> L.	Cỏ lào	
23	<i>Grangea maderaspatana</i> (L.) Poir.	Rau cóc	
24	<i>Pluchea indica</i> (L.) Lees.	Lức ần	

25	<i>Pluchea pteropoda</i> Hemsl.	Cỏ sài hồ	
26	<i>Sphaeranthus africanus</i> L.	Cỏ chân vịt	
27	<i>Spilathes oleracea</i> L.	Cỏ the	
28	<i>Synedrella nodiflora</i> (L.) Gaertn.	Bọ xít	
29	<i>Thespis divaricata</i> D.C.	Cỏ lức	
30	<i>Wedelia biflora</i> (L.) DC.	Rau mui	
	11. Combretaceae	Họ Bàng	
31	<i>Lumnitzera racemosa</i> Willd.	Cóc vàng	
32	<i>Terminalia catappa</i> L.	Bàng	
	12. Convolvulaceae	Họ Bìm	
33	<i>Ipomoea aquatica</i> Forst.	Rau muống	x
34	<i>Ipomoea gracilis</i> R. Br.	Bìm mảnh	
35	<i>Ipomoea pes caprae</i> (L.) R. Br.	Rau muống biển	
36	<i>Merremia hirta</i> (L.) Merr.	Hắc sủi	
	13. Cucurbitaceae	Họ Bầu bí	
37	<i>Gymnopetalum integrifolium</i> (Roxb.) Kurz.	Dây cứt quạ	
	14. Elaeocarpaceae	Họ bóng nước	
38	<i>Elaeocarpus griffithii</i> (Wight) A. Gray	Cứt chuột	
39	<i>Muntingia calabura</i> L.	Trứng cá	
	15. Euphorbiaceae	Họ Thầu Dầu	
40	<i>Antidesma ghaesembilla</i> Gaertn.	Chòi mòi	
41	<i>Bridelia stipularis</i> (L.) Blume.	Đờm leo	
42	<i>Excoecaria agallocha</i> L.	Giá	
43	<i>Glochidion littorale</i> Blume.	Trâm bột	
44	<i>Phyllanthus indicus</i> (Dalz.) Muell.	Diệp hạ châu Ấn	x
45	<i>Phyllanthus amarus</i> (L.)	Chó đẻ	
46	<i>Sauropus androgynus</i> (L.) Merr.	Bồ ngót	
47	<i>Securinega virosa</i> (Willd.)	Kim mộc	
	16. Fabaceae	Họ Đậu	
48	<i>Aeschynomene americana</i> L.	Điền ma	
49	<i>Canavalia cathartica</i> Thouars.	Đậu cộ	
50	<i>Mimosa pigra</i> L.	Mai dương	
51	<i>Mimosa pudica</i> L.	Mắc cỡ	
52	<i>Pithecellobium dulce</i> (Roxb.) Benth.	Me keo	
53	<i>Senna alata</i> (L.) Roxb.	Muống trâu	
54	<i>Sesbania paludosa</i> (Roxb.) Prain.	Điền điền phao	
55	<i>Tamarindus indica</i> L.	Me	
56	<i>Acacia auriculaeformis</i>	Tràm bông vàng	x
57	<i>Samanea saman</i> (Jacq.) Merr	Cồng	x
58	<i>Delonix regia</i>	Phượng vĩ	x
59	<i>Sesbania javanica</i> Miq.	So đũa	x
	17. Flacourtiaceae	Họ Mùng Quên	
60	<i>Scolopia macrophylla</i> (Wight & Arn.)	Bướm bà	
	18. Leeaceae	Họ Gối hạc	
61	<i>Leea rubra</i> Blume ex Spreng.	Gối hạc	
	19. Loranthaceae	Họ Chùm gửi	

62	<i>Dendrophthoe pentandra</i> (L.)	Chùm gửi	
63	<i>Viscum ovalifolium</i> Wall.	Ghi đông phương	
	20. Malvaceae	Họ Bông	
64	<i>Hibiscus rosa-sinensis</i>	Giâm bụi	x
65	<i>Hibiscus tiliaceus</i>	Tra nhót	x
66	<i>Thespesia populnea</i> (L.) Soland.ex.Correa.	Tra lâm vồ	
67	<i>Urena lobata</i> (L.)	Ké	
	21. Molluginaceae	Họ Cỏ bụng cu	
68	<i>Glinus oppositifolius</i> (L.) DC.	Rau đắng đất	
	22. Moraceae	Họ Dâu tằm	
69	<i>Ficus benjamina</i> L.	Gừa	
70	<i>Ficus superba</i> (Miq) var Japonica Miq.	Sộp	
	23. Onagraceae	Họ Rau Dừa	
71	<i>Ludwigia adscendens</i> (L.)	Rau dừa	
72	<i>Ludwigia hyssopifolia</i> (G. Don.)	Rau mương	
	24. Passifloraceae	Họ Chùm bao	
73	<i>Passiflora foetida</i> L.	Chùm bao	
	25. Piperaceae	Họ Tiêu	
74	<i>Peperomia pellucida</i> (L.)H.B.K.	Càng cua	
	26. Polygonaceae	Họ Rau răm	
75	<i>Polygonum hydropiper</i> L.	Nghê	
	27. Portulacaceae	Họ Rau Sam	
76	<i>Portulaca oleracea</i> L.	Rau sam	
	28. Rhamnaceae	Họ Táo	
77	<i>Ziziphus oenoplia</i> (L.) Mill.	Táo rừng	
	29. Rhizophoraceae	Họ Đước	
78	<i>Rhizophora apiculata</i> Blume.	Đước	
	30. Rubiaceae	Họ Cà phê	
79	<i>Canthium glabrum</i> Blume.	Xương cá	
80	<i>Morinda citrifolia</i> L.	Nhàu	
81	<i>Psychotria serpens</i> L.	Lầu	
82	<i>Paederia consimilis</i>	Dây mơ	x
	31. Salvadoraceae	Họ Gai me	
83	<i>Azima sarmentosa</i> (Blume.) Benth.&Hook.	Chùm lé	
	32. Scrophulariaceae	Họ Hoa Mỡm Sói	
84	<i>Lindernia pierreana</i> Bonati.	Lữ đặng	
85	<i>Mimulus nepalensis</i> Benth.	Cỏ đồng tiền	
	33. Solanaceae	Họ Cà	
86	<i>Physalis angulata</i> L.	Thù lù cạnh	
87	<i>Solanum nigrum</i> L.	Thù lù đục	
	34. Urticaceae	Họ Cây ngứa	
88	<i>Pouzolzia zeylanica</i> (L.) Benn.	Thuốc giòi	
	35. Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa	
89	<i>Avicennia officinalis</i> L.	Mâm đen	
90	<i>Lantana camara</i> L.	Thơm ổi	
91	<i>Clerodendron inerme</i> (L.)	Ngọc nữ biển	x

92	<i>Premna serratifolia</i> L.	Cách	x
	36. Vitaceae	Họ Nho	
93	<i>Cayratia trifolia</i> (L.)	Dây vác	
94	<i>Cissus triloba</i> (Lour.)	Dây chìa vôi	
	Liliopsida	Lớp Hành	
	37. Araceae	Họ Ráy	
95	<i>Colocasia esculenta</i> (L.) Schott.	Môn nước	
96	<i>Pistia stratiotes</i> L.	Bèo cái	x
	38. Commelinaceae	Họ Rau trai	
97	<i>Commelina diffusa</i> Burm. f.	Rau trai	
	39. Cyperaceae	Họ Lác	
98	<i>Cyperus digitatus</i> Roxb.	U du	
99	<i>Eleocharis acutangula</i> (Roxb.) Schult.	Năn cạnh	
100	<i>Eleocharis dulcis</i> Trin. ex Henschel.	Năn ngọt	
101	<i>Eleocharis ochrostachys</i> Steud.	Năn kim	
102	<i>Scirpus grossus</i> L.f.	Lác hén	x
103	<i>Cyperus malaccensis</i> Lamk.	Lác nước	x
104	<i>Cyperus proceus</i> Rottb	Lác quí	x
105	<i>Cyperus polystachyos</i> Rottb	Cú ma	x
106	<i>Cyperus rotundus</i>	Cò cú	x
107	<i>Fimbristylis miliacea</i>	Cò chác	
108	<i>Scirpus grossus</i>	Lác đất	
	40. Dioscoreaceae	Họ Củ nâu	
109	<i>Dioscorea glabra</i> Roxb.	Dây khoai rạn	
	41. Flagellariaceae	Họ Mây nước	
110	<i>Flagellaria indica</i> L.	Mây nước	
	42. Palmae	Họ Cau dừa	
111	<i>Phoenix paludosa</i> Roxb.	Chà là biển	
112	<i>Cocos nucifera</i> L.	Dừa	x
113	<i>Nypa fruiticans</i> Wurm	Dừa nước	x
	43. Poaceae	Họ Lúa	
114	<i>Axonopus compressus</i> (Sw.) Beauv.	Cỏ lá gừng	
115	<i>Dactyloctenium aegyptium</i> (L.) Willd.	Cỏ chân gà	
116	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaernt.	Cỏ mần trâu	
117	<i>Eriochloa procer</i> (Retz) C.E. Hubb.	Cỏ mật	
118	<i>Panicum repens</i> L.	Cỏ ống	
119	<i>Setaria barbata</i> (Lamk.) Kunth.	Cỏ đuôi chồn	
120	<i>Chloris barbata</i> Sw.	Lục lông	x
121	<i>Echinochloa colonum</i>	Cỏ lông vục cạn	x
122	<i>Echinochloa crusgalli</i>	Cỏ lông vục nước	x
123	<i>Imperata cylindrica</i> (L.)	Cỏ tranh	x
124	<i>Ischaenum indicum</i> (Houtt.)	Cỏ mòm	x
125	<i>Bambusa stenostachya</i>	Tre	x
126	<i>Phragmites karka</i> (Retz)	Sậy	x
127	<i>Saccharum arundinaceum</i> Retz.	Lau	x
128	<i>Paspalum vaginatum</i> Sw.	Cỏ san sát	x

	44. Typhaceae	Họ Bồn bồn	
129	<i>Typha angustifolia</i> L.	Bồn bồn	
	45. Zingiberaceae	Họ Gừng	
130	<i>Costus speciosus</i> Koenig.	Cát lồi	

Trong 45 họ thực vật, 5 họ có số lượng loài nhiều nhất có số loài từ 8 trở lên, tổng số loài của 5 họ lên đến 59 loài, chiếm 45,38% tổng số loài trong vườn (bảng 2).

Bảng 2

Các họ đa dạng nhất trong Vườn chim Bạc Liêu

STT	Tên họ		Số loài	
	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Poaceae	Họ Lúa	15	11,54%
2	Asteraceae	Họ Cúc	13	10,00%
3	Fabaceae	Họ Đậu	12	9,23%
4	Cyperaceae	Họ Lác	11	8,46%
5	Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu	8	6,15%
Tổng:			59	45,38%

Theo Danh lục thực vật của tác giả Lưu Hồng Trường – Nguyễn Hữu Tuấn (2010) có 101 loài thuộc 45 họ: 5 loài (4 họ) thuộc ngành Dương xỉ, 96 loài (41 họ) thực vật hạt kín. So với kết quả này thì danh lục mới nhiều hơn 30 loài (bảng 1) và có 1 loài không tìm thấy (*Leucaena leucocephala* (Lamk.) – Keo dậu, thuộc họ Đậu – Fabaceae).

III. KẾT LUẬN

Chúng tôi đã thu thập được 130 loài thuộc 45 họ thực vật, nhiều hơn so với công trình nghiên cứu của Lưu Hồng Trường – Nguyễn Hữu Tuấn (2010) 30 loài và có 1 loài chúng tôi không tìm thấy. Điều này có thể do một số nguyên nhân sau:

- Thời gian thu mẫu của chúng tôi kéo dài trong 12 tháng (5/2013 đến 4/2014), có cả mùa khô và mùa mưa.
- Trong thời gian từ năm 2010 - 2014 không có biến động lớn xảy ra tại Vườn chim.
- Chúng tôi thu mẫu ở 30 ô tiêu chuẩn, phân bố đều khắp các sinh cảnh của vườn và chiếm đến 5,77% diện tích vườn.

Có 5 họ đa dạng về loài (59 loài, chiếm 45,38% tổng số loài tại đây) gồm: họ Lúa, họ Cúc, họ Đậu, họ Lác và họ Thầu dầu.

Quản xã chiếm ưu thế tại Vườn chim Bạc Liêu là Chà là – Tra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiên Bản**, 1997. Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật Hạt kín ở Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**, 2000. Tên cây rừng Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
3. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam (tập 1-3). Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2004. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới. Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
5. **Lưu Hồng Trường, Nguyễn Hữu Tuấn**, 2010. Đề tài Khảo sát đa dạng thực vật ở Khu bảo tồn thiên nhiên Vườn chim Bạc Liêu.
6. **Thái Văn Trùng**, 1999. Những hệ sinh thái rừng nhiệt đới ở Việt Nam. Nxb. KHKT, Hà Nội.

PLANT DIVERSITY OF BAC LIEU BIRD SANCTUARY

TRAN THANH LAM, LE THI NGOC NGA

SUMMARY

Bac Lieu Bird Sanctuary plays an important role in the conservation of plant and animal, making the climate stable, serving scientific research and local tourism. We conducted this research in order to provide the latest data on the composition of plant species of the Sanctuary. According to our study results, there are 130 species of plants belonging to 45 families. The most dominant plant community is *Phoenix paludosa* Roxb. - *Thespesia populnea* (L.).